

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG  
TRƯỜNG THPT THỤY HƯƠNG

**BẢNG KẾT QUẢ THI KHẢO SÁT TỐT NGHIỆP THPT LẦN 2**

Năm học: 2022-2023

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	TB	XH
1	000010	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	08/07/2005	12A1	7.25	6.4	4.8	3	4.75	4				5.59	41
2	000021	Bùi Thị Tuyết Ánh	06/10/2005	12A1	6.75	7.2	3.8	5.75	3.5	3.75				5.52	42
3	000038	Phạm Thị Ánh Chi	11/05/2005	12A1	7.5	7.2	5	3.25	8.25	6.5				6.43	14
4	000044	Bùi Quang Chung	29/07/2005	12A1	4.25	6.2	4.2	4.25	6.25	5.25				4.98	46
5	000051	Vũ Thị Dịu	25/10/2005	12A1	6.5	8.2	4.2	6.25	5.75	3.75				6.04	28
6	000060	Phạm Quang Đại	02/10/2005	12A1	7.75	7.4	3.8	4.5	8.75	6.5				6.38	15
7	000064	Phạm Tiến Đạt	27/06/2005	12A1	7.75	7	4.6	6.5	8	6				6.55	11
8	000067	Đinh Văn Đức	20/05/2005	12A1	7.75	7.2	4	5.75	7.25	5.25				6.26	21
9	000084	Nguyễn Thị Hiền	22/03/2005	12A1	7	8.4	5	5.25	6.75	7.5				6.73	5
10	000087	Đào Đức Minh Hiền	15/06/2005	12A1	4.75	7.6	5.4	6.5	7.75	7.25				6.23	24
11	000091	Phạm Đỗ Trung Hiếu	22/11/2005	12A1	6.75	7.2	6	4.5	6.75	5				6.34	16
12	000100	Nguyễn Sỹ Hoàng	10/01/2005	12A1	7	8.2	3.2	6.25	6.5	5				6.08	27
13	000107	Ngô Đức Huy	25/01/2005	12A1	7.25	6.4	3.8	4.5	7.5	3.75				5.68	38
14	000126	Đỗ Thu Hương	21/11/2005	12A1	7.25	8.2	3.8	5.25	7.5	7.75				6.52	12
15	000139	Hoàng Thị Lê	29/06/2005	12A1	5.75	6.8	5.8	5.75	7.25	6.25				6.19	25
16	000152	Nguyễn Thị Mai Linh	01/09/2005	12A1	7.5	7.2	3.6	5.5	6	4.25				5.89	33
17	000159	Nguyễn Thị Loan	31/03/2005	12A1	6.5	8	4.6	6	6.75	5.75				6.32	18
18	000161	Bùi Đức Long	18/08/2005	12A1	6.5	8.2	7.4	7.25	5.75	6.25				7.13	2
19	000164	Nguyễn Thị Lương	10/12/2005	12A1	7.25	6.6	4.4	3.75	4.75	3				5.52	42
20	000165	Nguyễn Thị Hiền Lương	06/11/2005	12A1	6.5	8.2	7.4	6.25	7.5	8				7.34	1
21	000170	Lã Thị Khánh Ly	21/11/2005	12A1	6.75	7	5.2	4.25	7	3.5				5.97	31
22	000184	Bùi Công Minh	28/10/2005	12A1	7.25	8.8	5.2	7.5	8	5.25				7.04	3
23	000194	Đặng Mươi Năm	21/01/2005	12A1	7.5	7.6	5.6	3.75	5.25	3.75				6.24	23
24	000196	Nguyễn Thị Nga	23/03/2005	12A1	6.25	7	4.4	4.25	6.75	5.75				5.81	34
25	000232	Phạm Minh Phương	17/01/2005	12A1	6.25	7.6	4.6	7.5	6.75	3.75				6.11	26

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	TB	XH
26	000234	Trần Thị Mai	Phuong	18/05/2005	12A1	7.25	7.2	3.4	5	5.25	4.5				5.69	37
27	000242	Đỗ Minh	Quân	14/09/2005	12A1	6.5	8	7	6.5	5	3.25				6.6	9
28	000244	Nguyễn Văn	Quyền	01/09/2005	12A1	6	6.6	2.6	7.25	6.5	3.5				5.24	45
29	000245	Nguyễn Bá	Quyết	04/01/2005	12A1	7	7.2	5	5.25	7	5.25				6.26	21
30	000248	Phạm Huy	Sang	26/04/2005	12A1	6	6.6	2.4	4.25	5	3.75				4.83	47
31	000252	Phạm Anh	Tài	14/06/2005	12A1	7	8	6	5.5	4.25	4.5				6.44	13
32	000253	Trịnh Tiến	Tài	02/11/2005	12A1	7.25	7.4	4.2	7	7.75	4				6.28	19
33	000260	Trần Quang	Thành	10/07/2005	12A1	6	7.8	4.2	6.25	7.25	4.5				6	30
34	000265	Ngô Phương	Thảo	08/11/2005	12A1	8	7.6	5.6	2.5	5	4.25				6.28	19
35	000275	Phạm Đức	Thắng	07/03/2005	12A1	6	8	4.6	6.75	8	5.5				6.34	16
36	000292	Bùi Anh	Tiến	25/01/2005	12A1	6.25	7.2	3.8	4.25	7.75	4				5.65	39
37	000295	Phạm Đức Duy	Tiến	09/10/2005	12A1	7.5	7.6	5.8	4.75	6.25	5				6.56	10
38	000314	Nguyễn Đức	Trung	05/07/2005	12A1	5.5	6.8	6.2	5.25	3.5	3.25				5.63	40
39	000318	Bùi Quang	Trương	14/07/2005	12A1	5.5	6.8	3.8	4.25	7.5	3.75				5.32	44
40	000321	Ngô Quang	Trưởng	23/10/2005	12A1	6.25	8.2	5.4	8	7.5	4.5				6.63	7
41	000324	Nguyễn Đình	Tuân	27/06/2005	12A1	6.5	6	5.8	7	6.5	3.75				6.01	29
42	000327	Phạm Minh	Tuấn	28/05/2005	12A1	4.5	7.6	6.2	4.5	5.75	4.25				5.78	36
43	000341	Phạm Hoàng	Việt	20/10/2005	12A1	5.75	8.8	5.4	8	6.75	5				6.63	7
44	000343	Đào Thế	Vinh	21/04/2005	12A1	6.25	6.4	6.8	5.5	4.75	3				5.97	31
45	000344	Đào Văn	Vinh	23/06/2005	12A1	7.5	8.2	5.8	7.5	7	4.75				6.98	4
46	000347	Đỗ Văn	Vũ	29/11/2005	12A1	6.5	7.2	4.2	5.75	6.25	3.75				5.79	35
47	000352	Vũ Đình	Ý	23/01/2005	12A1	7	7.8	5	6.75	7.75	6				6.66	6

VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD
6.63	7.42	4.87	5.55	6.49	4.82			
3	0	24	16	6	26			

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG  
TRƯỜNG THPT THỤY HƯƠNG

BẢNG KẾT QUẢ THI KHẢO SÁT TỐT NGHIỆP THPT LẦN 2

Năm học: 2022-2023

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	TB	XH
1	000007	Nguyễn Thị Ngọc Anh	07/11/2005	12A2	6.25	6.8	5				6	7.25	8.25	6.3	19
2	000009	Nguyễn Thị Phương Anh	16/09/2005	12A2	7.5	5.2	5				4.25	6	6	5.78	39
3	000011	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	05/11/2005	12A2	6.25	4	3.8				4.75	7	7	5.08	43
4	000020	Vũ Thị Vân Anh	05/09/2005	12A2	6	6.2	4.6				5.5	6.5	7.75	5.85	38
5	000025	Đặng Quốc Bảo	07/12/2005	12A2	6	4.8	2.2				4.25	7	7	4.77	46
6	000026	Nguyễn Đức Bảo	03/10/2005	12A2	6.5	4.2	3.6				4	5.5	6.75	4.93	45
7	000032	Cao Thị Linh Chi	26/05/2003	12A2	8	7.6	4.6				7	8	8.5	7.01	4
8	000034	Lê Thị Linh Chi	28/03/2005	12A2	8	6.4	4.2				5.75	7.25	7.25	6.34	16
9	000059	Phạm Tùng Dương	18/08/2005	12A2	7.5	4.2	2.8				4.25	5.5	6	4.94	44
10	000069	Phạm Văn Giang	06/09/2005	12A2	7.5	6.6	4.6				5.75	6.75	7.25	6.32	17
11	000071	Đoàn Thị Thu Hà	24/08/2005	12A2	8.5	6.4	6.4				9	8.5	8	7.45	1
12	000098	Đào Khải Hoàn	25/12/2005	12A2	8	6	4.2				5.5	6	7.5	6.13	27
13	000101	Đào Thị Huế	05/05/2005	12A2	7	7.2	3.6				4.25	6.75	7.25	5.97	34
14	000104	Phạm Thị Huế	24/10/2005	12A2	8	6	4				5.75	5.5	8.75	6.17	23
15	000117	Nguyễn Thị Huyền	22/11/2005	12A2	7.5	5.8	5.4				3.75	6.25	7.75	6.15	26
16	000125	Đỗ Thị Diễm Hương	10/06/2005	12A2	7.5	5.6	4.2				8	7.5	7.75	6.26	22
17	000149	Nghiêm Diệu Linh	28/05/2005	12A2	7.75	6	3.8				4.5	7.5	8.25	6.08	29
18	000150	Nguyễn Thị Khánh Linh	18/01/2005	12A2	8	6.8	5.6				6.75	7.25	8.5	6.98	6
19	000157	Vũ Thị Thùy Linh	24/05/2005	12A2	7.5	5.8	3.2				7.5	7.25	7.5	5.98	33
20	000171	Ngô Vân Ly	27/03/2005	12A2	7	6.6	4.4				7.25	7.25	8.25	6.4	15
21	000176	Đặng Thị Mai	21/09/2005	12A2	8.75	5.6	5.8				7.5	7.25	8.75	7	5
22	000187	Nguyễn Công Tuấn Minh	19/08/2005	12A2	7	6	4.8				5	6.25	7.75	6.03	31

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	TB	XH
23	000188	Nguyễn Duy Minh	09/04/2005	12A2	7	6.6	4.2				5.25	7	7	6.05	30
24	000189	Đỗ Thị Mơ	16/08/2005	12A2	6.5	5.4	5				5.5	6.75	8	5.91	36
25	000197	Nguyễn Thị Thanh Nga	04/04/2005	12A2	6.75	6.2	4.4				5.5	5.5	6	5.75	40
26	000198	Vũ Thị Thanh Nga	11/05/2005	12A2	6.5	5.8	5				7	5	8	5.99	32
27	000207	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	30/01/2005	12A2	8	6.6	5				4.75	4.75	7.25	6.3	19
28	000214	Vũ Phan Yến Nhi	20/09/2005	12A2	8	6	2.6				5.75	6.5	6.75	5.73	42
29	000219	Trần Thị Nhung	18/07/2005	12A2	7.5	5.8	4.8				6.5	6.75	7.75	6.28	21
30	000221	Vũ Thị Hồng Nhung	28/05/2005	12A2	6.75	6.4	3.4				5.75	6.75	6.75	5.74	41
31	000225	Phạm Minh Phong	11/02/2005	12A2	7.5	6	4.2				5.25	6.75	5.25	5.86	37
32	000229	Nguyễn Mai Phương	01/08/2005	12A2	7	5.8	5				6	6.75	7.75	6.16	25
33	000254	Dương Đức Tâm	31/10/2005	12A2	6.5	7.2	5.6				7	6	6.5	6.45	14
34	000259	Nguyễn Văn Thành	26/06/2005	12A2	7	8.2	4.6				7.25	7.25	7.75	6.8	10
35	000266	Nguyễn Phương Thảo	05/09/2005	12A2	7.75	4.8	4.8				7.75	6.5	7.75	6.17	23
36	000267	Nguyễn Phương Thảo	27/10/2005	12A2	8	7	4.8				7.25	7	7.75	6.78	11
37	000268	Nguyễn Thị Thảo	26/08/2005	12A2	6.75	5.6	4.8				8.25	6.5	7	6.1	28
38	000271	Vũ Thị Thảo	01/01/2005	12A2	7.25	7.4	5				7.25	7.25	7.75	6.77	12
39	000282	Nguyễn Thị Thu	18/09/2005	12A2	7.25	6.2	4				8	7.75	7.75	6.32	17
40	000284	Đỗ Minh Thuận	30/08/2005	12A2	7	5.8	4.8				5	6	7.25	5.92	35
41	000286	Bùi Thị Thúy	02/11/2005	12A2	7.5	6.8	5.6				8.75	8.25	7.75	7.04	3
42	000290	Vũ Kiều Thương	12/10/2005	12A2	7.5	5.8	6.8				6.5	6.25	9	6.84	9
43	000298	Vũ Đình Toàn	26/01/2005	12A2	7	5.4	6				6.5	7.75	9	6.54	13
44	000304	Lưu Hà Trang	20/11/2005	12A2	6.75	6.4	6				9.25	6.75	9	6.87	7
45	000315	Nguyễn Thành Trung	14/04/2005	12A2	7	7	6.2				5.5	7.25	9	6.86	8
46	000334	Trương Thị Tố Uyên	28/10/2005	12A2	7.5	6.2	7.6				7.5	7.25	9	7.3	2

VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD
7.27	6.09	4.7				6.2	6.74	7.62
0	5	28				9	1	0

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG  
TRƯỜNG THPT THỤY HƯƠNG

**BẢNG KẾT QUẢ THI KHẢO SÁT TỐT NGHIỆP THPT LẦN 2**

Năm học: 2022-2023

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	TB	XH
1	000004	Lưu Hoàng Anh	17/02/2005	12A3	6	7.8	5.4	6.5	8.5	6.25				6.57	11
2	000005	Ngô Thị Phương Anh	24/09/2005	12A3	6.5	5.2	5.6				7	6.75	6.75	6.03	27
3	000012	Phạm Mai Anh	01/01/2005	12A3	5.75	5.4	5.4				4.5	6.25	6.75	5.6	39
4	000023	Nguyễn Thị Ánh	16/11/2005	12A3	6	5.8	3.6				4.25	6.75	7	5.35	41
5	000031	Phạm Ngọc Châm	26/08/2005	12A3	7	5.8	5.6				5.5	7.75	8	6.37	15
6	000041	Vũ Thị Quỳnh Chi	14/11/2005	12A3	7	5.2	4.2				5.75	7	7.5	5.79	33
7	000043	Vũ Văn Chính	26/06/2005	12A3	5.25	7.6	4.8	6.25	8.25	5.75				6.1	26
8	000058	Nguyễn Thị Minh Dương	16/08/2005	12A3	7	5.6	4				5.25	6.25	6	5.61	38
9	000072	Đoàn Thị Thu Hà	17/12/2005	12A3	7.5	6.4	5				7	8.5	8.5	6.73	7
10	000077	Nguyễn Nhật Hào	12/12/2005	12A3	4.5	7.4	3.6	6	6.75	5				5.35	41
11	000078	Bùi Quang Hải	09/04/2005	12A3	6.75	7.4	5.2				6.5	7.75	8.5	6.73	7
12	000096	Cao Thị Hoa	04/12/2005	12A3	7.25	7.8	5.8				8.25	6.5	8.25	7.13	1
13	000108	Nguyễn Đình Huy	27/02/2005	12A3	6	7.2	5				6	7.25	7.25	6.26	20
14	000110	Nguyễn Quốc Huy	06/05/2004	12A3	6.5	4.4	6				6	7.5	7	5.93	29
15	000115	Đào Thị Khánh Huyền	26/02/2005	12A3	7.25	5.4	5.4				6.75	8	8.25	6.43	14
16	000116	Ngô Thu Huyền	24/05/2005	12A3	7.5	6.8	5.8				6.75	7	8.25	6.86	2
17	000119	Phạm Khánh Huyền	07/07/2005	12A3	7.5	6.4	4				7	5.75	7.25	6.14	25
18	000123	Bùi Thu Hương	25/05/2005	12A3	6.5	7.2	5.2				5.5	8	7.5	6.48	13
19	000142	Dương Khánh Linh	23/11/2005	12A3	4.5	5	4.2				6	6.25	6.5	4.99	44
20	000147	Lương Thị Thùy Linh	05/03/2005	12A3	7.25	5.2	4				7.25	6.75	7.25	5.88	30
21	000148	Lưu Hải Linh	11/10/2005	12A3	7	6.8	5.6				8.75	7.25	7.75	6.83	4
22	000166	Vũ Thị Lương	21/07/2005	12A3	6.5	5.8	6.4				8	7.25	8	6.61	9

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	TB	XH
23	000175	Cao Quỳnh Mai	03/10/2005	12A3	7.5	7.2	4				7.5	7	7.5	6.51	12
24	000177	Nguyễn Châu Mai	03/08/2005	12A3	8	6.6	4.6				5.75	7.25	8.75	6.61	9
25	000193	Vũ Đức Nam	07/12/2005	12A3	7.5	6	4.6				6.5	7.5	7.75	6.34	17
26	000200	Đào Trung Nghĩa	19/02/2005	12A3	6.5	6.6	3.8	7	7.25	5.5				5.87	31
27	000213	Nguyễn Thị Linh Nhi	04/02/2005	12A3	7.25	6.6	4.6				6.25	6.5	7.25	6.28	19
28	000215	Nguyễn Thị Ninh	04/07/2005	12A3	7.75	6.2	5.4				4.5	6	6.5	6.25	21
29	000241	Đỗ Danh Quân	21/02/2005	12A3	5.75	6.6	4.8	7.25	5.75	4.5				5.75	35
30	000251	Bùi Lã Anh Tài	20/02/2005	12A3	6	7.2	4.2				7	6.75	8.5	6.2	22
31	000256	Trần Thị Thanh Tâm	03/10/2005	12A3	7.75	3.8	4				6.25	6	5.5	5.37	40
32	000262	Cao Thị Hương Thảo	05/07/2005	12A3	7	6.2	5.6				6.25	6.5	7	6.35	16
33	000269	Nguyễn Thị Phương Thảo	27/12/2005	12A3	7.25	7.4	5.2				7	7	8	6.8	5
34	000272	Ngô Đình Thạc	13/09/2005	12A3	6.25	6.6	4.4				8	6.75	7.25	6.15	24
35	000276	Hoàng Đình Thế	27/05/2005	12A3	5.75	5.2	4.4				6.5	7.5	8.5	5.71	36
36	000277	Vũ Thọ Thoan	14/09/2005	12A3	5.5	8	4.2	6.25	5.5	4.25				5.76	34
37	000291	Nguyễn Văn Thực	18/04/2005	12A3	7.25	7.6	6.2				5.5	5.75	7.75	6.85	3
38	000296	Bùi Trung Tiệp	24/11/2005	12A3	6.75	6.4	3.8	7	7.5	4.75				5.84	32
39	000309	Nguyễn Thùy Trang	27/09/2005	12A3	7.5	6.6	6.2				6	7.5	7	6.78	6
40	000310	Phạm Thu Trang	24/08/2005	12A3	7.25	5.4	5.4				7	6.75	7.75	6.3	18
41	000311	Vũ Thu Trang	29/10/2005	12A3	7	3.4	4.4				5	5.25	4.5	4.93	45
42	000326	Nguyễn Minh Tuấn	03/06/2005	12A3	6.25	6.6	5.8	6	3.5	2.5				5.66	37
43	000328	Tăng Xuân Anh Tuấn	06/02/2005	12A3	7.5	5.4	5.6	7.25	5.75	3.75				6.02	28
44	000331	Đặng Văn Tùng	23/11/2005	12A3	6.5	5.2	5.6				6.75	7	8.25	6.16	23
45	000346	Trần Thái Vinh	17/08/2005	12A3	5.75	7	3.8	6.5	5	2.5				5.3	43

VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD
6.68	6.25	4.9	6.6	6.38	4.48	6.39	6.9	7.43
2	3	22	0	1	6	3	0	1

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG  
TRƯỜNG THPT THỤY HƯƠNG

**BẢNG KẾT QUẢ THI KHẢO SÁT TỐT NGHIỆP THPT LẦN 2**

Năm học: 2022-2023

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	TB	XH
1	000016	Phạm Thị Phương Anh	06/02/2005	12A4	6.5	5.6	4.6				6	5.75	6.75	5.72	39
2	000017	Trần Thị Ngọc Anh	31/07/2005	12A4	6.75	5.6	5.8				5.5	5.75	6	5.98	35
3	000019	Vũ Quỳnh Anh	26/04/2005	12A4	7.5	6.6					3.75	6	4.75	6.31	21
4	000035	Nguyễn Hà Chi	19/12/2005	12A4	7.5	4.8	4.2				4.5	6.5	7	5.63	40
5	000036	Nguyễn Thị Kim Chi	06/09/2005	12A4	7.75	5.2	6				7.25	7.75	7.5	6.61	13
6	000074	Nguyễn Thị Ngọc Hà	09/05/2005	12A4	7.75	6.8	5				7.25	7	7.25	6.68	11
7	000080	Nguyễn Thị Mai Hạnh	27/09/2005	12A4	6.25	6.2	5.2				5.75	6	7.5	6.02	30
8	000097	Nguyễn Liên Hoa	08/01/2005	12A4	6.75	6.2	4.2				5.25	7.5	5	5.77	38
9	000111	Nguyễn Văn Huy	01/07/2005	12A4	7.75	6.2	5.8				4.75	5.75	6.75	6.38	19
10	000114	Nguyễn Thị Huyền	22/11/2005	12A4	8	5.8	6				5.75	6	7	6.51	16
11	000127	Nguyễn Thị Thanh Hương	27/04/2005	12A4	7.75	6.2	5.2				6.5	6	6.75	6.39	18
12	000128	Trần Mai Hương	23/04/2005	12A4	7.25	7.6	6.6				6.75	7.5	7.5	7.18	3
13	000137	Nguyễn Duy Lâm	28/06/2005	12A4	6.5	6.4	5.8				5.5	6	6.5	6.18	26
14	000140	Phạm Thị Bích Lệ	19/08/2005	12A4	7.5	7	5.6				6	7.25	6.75	6.69	10
15	000141	Cao Thị Thùy Linh	14/07/2005	12A4	7	7.2	6.4				6.25	6.75	7	6.82	6
16	000156	Trịnh Thùy Linh	05/12/2005	12A4	7.5	6.4	5.2				5.25	6.25	6	6.23	23
17	000172	Nguyễn Thị Khánh Ly	11/09/2005	12A4	6.25	6.2	5.6				3.75	5.5	6.25	5.8	37
18	000174	Bùi Thanh Mai	01/07/2005	12A4	6.75	5.2	5.8				7	7	7	6.19	25
19	000178	Phạm Thị Mai	09/12/2005	12A4	7	7	5.2				6.5	6.75	7.5	6.53	15
20	000179	Vũ Thị Ngọc Mai	10/10/2005	12A4	6.75	6	5				5	7.25	6.5	6	32
21	000183	Nguyễn Văn Mạnh	28/11/2005	12A4	5.75	5.8	4.6				4.75	4.25	5.5	5.25	41
22	000195	Ngô Thị Thanh Nga	22/11/2005	12A4	7.75	7.4	5.8				6.75	6.5	6.75	6.9	5

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	TB	XH
23	000201	Đào Minh Ngọc	02/02/2005	12A4	7.25	5.8	7				6.25	8	6.75	6.76	8
24	000204	Nguyễn Thị Bích Ngọc	27/04/2005	12A4	7.25	7	5.4				4.5	6	6	6.29	22
25	000205	Đặng Minh Nguyệt	28/09/2005	12A4	8	5.6	4.6				3.75	7	7.25	6.05	29
26	000223	Nguyễn Quang Phong	08/02/2005	12A4	5.75	4.8	3.8				3	5.25	4	4.61	42
27	000224	Nguyễn Tuấn Phong	15/04/2005	12A4	7	6.4	6.4				6	7.25	6.75	6.62	12
28	000233	Phạm Văn Phương	23/02/2005	12A4	6	6.2	5.2				5.25	7.75	7	6.02	30
29	000240	Vũ Kim Quang	24/11/2005	12A4	6.25	8	5.8				6.5	7.25	7.25	6.76	8
30	000257	Hồ Xuân Thành	21/09/2005	12A4	7.25	6.4	4.4				6.75	6.75	6.75	6.2	24
31	000258	Nguyễn Đoàn Đức Thành	10/07/2005	12A4	6.5	5.6	5.2				7.5	5.5	7	5.99	33
32	000278	Cao Thị Thơm	14/08/2005	12A4											
33	000283	Đào Thị Thuận	16/07/2005	12A4	7.75	6.8	6				8.5	7.25	6.25	6.97	4
34	000293	Đoàn Công Tiên	12/01/2005	12A4	6.5	6	6.2				6.75	5.75	7.75	6.36	20
35	000299	Bùi Thị Trang	30/03/2005	12A4	6	6.8	4.6				6	7.25	7.75	6.1	28
36	000300	Bùi Thị Thu Trang	11/10/2005	12A4	7.75	5.2	4.4				5	6.5	6.5	5.84	36
37	000305	Ngô Thùy Trang	07/10/2005	12A4	7.25	6.6	5.4				5.5	6.75	7.75	6.48	17
38	000307	Nguyễn Thị Thu Trang	22/01/2005	12A4	7.75	6	5.2				4	4.5	6.5	5.99	33
39	000330	Bùi Thị Tuyết	20/01/2005	12A4	7.75	7.4	6.2				7.25	7.5	7.5	7.19	2
40	000337	Đặng Thị Cẩm Vân	25/06/2005	12A4	8.25	7.4	7.6				8	8.75	8.75	7.94	1
41	000339	Phạm Hoàng Khánh Vân	02/09/2005	12A4	7.75	7	6.6				5	6.25	6.25	6.8	7
42	000349	Chung Thị Yến	28/08/2005	12A4	6.75	7	5.4				7.25	6.75	7	6.54	14
43	000350	Hoàng Thị Hải Yến	05/07/2005	12A4	7.75	6	4.8				4.5	6	7.75	6.16	27

VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD
7.11	6.32	5.46				5.79	6.55	6.76
0	2	10				10	2	2

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG  
TRƯỜNG THPT THỤY HƯƠNG

**BẢNG KẾT QUẢ THI KHẢO SÁT TỐT NGHIỆP THPT LẦN 2**

Năm học: 2022-2023

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	TB	XH
1	000002	Đào Thị Anh	07/04/2005	12A5	7.75	4.8	5.2				6	6.25	7.25	6.06	10
2	000006	Nguyễn Thị Ngọc Anh	16/10/2005	12A5	6.75	4.4	3.4				4.75	5.5	5.75	4.97	37
3	000027	Trần Gia Bảo	08/07/2005	12A5	7	5.4	4.6				7.25	7	8.25	6.13	8
4	000039	Trần Thị Yến Chi	14/07/2005	12A5	8	3.6	3				5.75	4.5	5.75	4.98	36
5	000040	Vũ Thị Mai Chi	15/12/2005	12A5	8	6	3.8				5.75	6.25	8.5	6.16	7
6	000056	Bùi Thị Mỹ Duyên	18/07/2005	12A5	7.75	4.2	4.2				6.5	5	6.25	5.52	21
7	000063	Nguyễn Văn Đạt	21/11/2005	12A5	4.25	3.2	3.4				5.75	6.5	6	4.23	42
8	000068	Phạm Thị Thu Giang	11/09/2005	12A5	7	6.8	4.2				7.75	7.5	8.25	6.46	6
9	000073	Hoàng Thị Hà	16/05/2005	12A5	7.5	6.4	5.4				8.25	6.75	8.5	6.78	5
10	000081	Vũ Thị Hân	02/07/2005	12A5	8.25	6	5				8	7.5	8.25	6.79	4
11	000086	Vũ Thị Hiền	16/05/2005	12A5	8	5.2	7				6	7.5	8	6.84	3
12	000088	Đoàn Trung Hiếu	28/11/2005	12A5	7.5	6.8	7.2				6	7.75	8.75	7.25	1
13	000102	Đào Thị Ngọc Huệ	26/06/2005	12A5	7.75	4.4	3				4	6.5	6	5.16	33
14	000106	Trần Kim Huệ	18/04/2005	12A5	6.75	4.2	4.8				4.5	5.5	6	5.27	31
15	000109	Nguyễn Phú Huy	20/07/2005	12A5	4.75	3.6	4.8				4.5	5.75	6.5	4.68	40
16	000113	Phạm Quốc Huy	10/10/2005	12A5	7	4.4	5.4				6	5.75	4.75	5.58	20
17	000120	Vũ Thu Huyền	22/09/2005	12A5	7	7.2	4				4.25	6.25	6	5.93	12
18	000124	Đào Thị Thanh Hương	24/01/2005	12A5	5	4.2	4.4				4.25	5.5	7	4.8	39
19	000130	Trần Thúy Hường	13/01/2005	12A5	6.25	3.6	3.8				5.5	6.5	5.5	4.87	38
20	000132	Đào Văn Khánh	10/01/2005	12A5	5.75	5.2	3				6	6.5	7.25	5.13	34
21	000134	Nguyễn Văn Kiên	11/09/2005	12A5	6.5	5.6	3.4				5.5	5.75	5.75	5.29	30
22	000136	Phạm Thị Lan	02/11/2005	12A5	7.5	4.8	4.8				6	7	6.75	5.92	13

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	TB	XH
23	000143	Đào Thị Ngọc Linh	15/05/2005	12A5	7	4.8	4.4				6.25	6.25	8.5	5.8	17
24	000163	Trần Thị Luyên	29/01/2005	12A5	7	4.2	3.4				5.5	6.75	7	5.25	32
25	000186	Đào Văn Minh	06/01/2005	12A5	6.25	5.8	3.4				6.75	7	5	5.43	24
26	000190	Vũ Thị Trà My	16/08/2005	12A5	7.5	4.6	4.8				6.25	5.25	7.25	5.79	18
27	000191	Bùi Phương Nam	04/04/2005	12A5	6.5	4.6	3.8				5.25	7.5	6.25	5.31	29
28	000199	Nguyễn Thị Phương Ngân	01/03/2005	12A5	6	3.6	6				5.25	6.25	6.5	5.4	25
29	000208	Phạm Thị Minh Nguyệt	06/11/2004	12A5	6.5	4.8	3.6				4.25	5.25	6.25	5.04	35
30	000210	Hoàng Minh Nhật	13/11/2005	12A5	7.25	6.4	4.2				5	5.75	6.25	5.88	14
31	000212	Bùi Yến Nhi	26/07/2005	12A5	6.5	5.4	4				4.75	5.5	6	5.33	28
32	000220	Vũ Thị Nhung	14/07/2005	12A5	7.25	4.6	3				8.75	7.25	9.25	5.82	16
33	000228	Bùi Minh Phương	13/02/2005	12A5	5.5	6.6	4				5.25	5.75	6.5	5.48	22
34	000230	Nguyễn Thị Phương	30/03/2005	12A5	7.75	7.4	6				5.75	7.25	6.75	6.93	2
35	000249	Ngô Huyền Sinh	02/03/2005	12A5	7	4.6	5				7.75	7.25	8.25	6.09	9
36	000264	Mạc Thị Thu Thảo	12/11/2005	12A5	6.75	4.2	5				5.75	5	6.75	5.45	23
37	000285	Vũ Thị Thùy	22/05/2005	12A5	6.75	4.6	5				5.5	7.5	7.25	5.78	19
38	000288	Đoàn Vân Thư	14/06/2005	12A5	7	6.2	4.8				5	6	7.5	6.04	11
39	000316	Nguyễn Văn Trung	31/08/2005	12A5	6.75	4.8	4.6				5	6.5	4.75	5.39	26
40	000319	Nguyễn Khắc Trường	15/05/2005	12A5	4.5	5	3.6				3.5	6.25	5	4.5	41
41	000322	Vũ Hữu Trường	02/12/2005	12A5	4.75	5.4	5.2				4.75	7	6.5	5.36	27
42	000351	Ngô Hải Yến	24/02/2005	12A5	7	5.2	5				4.5	7	7.5	5.88	14

VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD
6.75	5.07	4.44				5.69	6.36	6.81
4	23	29				11	1	2

## SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG

## TRƯỜNG THPT THỤY HƯƠNG

## BẢNG KẾT QUẢ THI KHẢO SÁT TỐT NGHIỆP THPT LẦN 2

Năm học: 2022-2023

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	TB	XH
1	000003	Lương Thị Mai Anh	07/11/2005	12A6	7	5.8	4.2				5	7	5.5	5.71	17
2	000008	Nguyễn Thị Phương Anh	09/05/2005	12A6	6	5.6	4.8				3	5.5	6	5.31	33
3	000013	Phạm Ngọc Anh	31/07/2005	12A6	6.25	5.4	5				5	6	4.5	5.45	26
4	000014	Phạm Thị Diệu Anh	18/08/2005	12A6	6.5	7.2	4				5.75	6.5	7.5	6.07	6
5	000015	Phạm Thị Kim Anh	03/03/2005	12A6	6	6	4.8				4.5	7.25	6	5.68	21
6	000018	Vũ Kim Anh	09/05/2005	12A6	5.5	5.8	3.8				5	6.5	5.25	5.17	36
7	000024	Nguyễn Thị Hồng Ánh	21/01/2005	12A6	6.75	5.8	5				3.5	6	7	5.76	16
8	000030	Nguyễn Văn Bình	26/08/2005	12A6	7.25	5.2	5.2				6.5	6.25	6.5	6.02	8
9	000046	Phạm Thị Thanh Chúc	04/02/2005	12A6	6.75	6.6	4.2				4.5	6.75	6	5.83	11
10	000048	Hoàng Gia Phú Cường	04/09/2005	12A6	6	6.2	4.4				4	6	5.25	5.42	28
11	000053	Phan Thị Thùy Dung	09/10/2005	12A6	5	5.6	1.8				3	6.75	5.25	4.35	45
12	000054	Đào Văn Duy	14/07/2005	12A6	6.25	5	3.8				6.25	7.25	6.25	5.41	29
13	000055	Mạc Như Duy	06/12/2005	12A6	5.25	4.8	3.4				5	6.5	5	4.74	43
14	000057	Vũ Mai Duyên	04/06/2005	12A6	4.5	4	2.8				4	6.75	5.5	4.18	46
15	000061	Đặng Quang Đạt	13/06/2005	12A6	7.25	6.6	4.6				5	7	5.5	6.07	6
16	000062	Nguyễn Kim Đạt	21/08/2005	12A6	7	5.6	4.4				5	5.25	6	5.6	23
17	000066	Phạm Văn Đông	14/04/2005	12A6	7	6.4	4.8				5	7.5	6	6.09	4
18	000075	Phạm Thị Ngân Hà	18/07/2005	12A6	6.25	5.8	3.6				4.5	6.5	6.25	5.35	31
19	000082	Nguyễn Thị Hằng	22/05/2005	12A6	6.25	4	4.4				4.75	5.5	6	5.02	38
20	000092	Vũ Minh Hiếu	30/08/2005	12A6	6.75	7.2	3.4				6.5	6	5.5	5.84	10
21	000093	Nguyễn Văn Hiệp	01/10/2005	12A6	6.25	6.2	3				4	5.25	4.75	5.03	37
22	000094	Mạc Như Hiệu	16/12/2005	12A6	6.5	6.8	4.8				4.5	5.5	5.25	5.8	12
23	000099	Ngô Văn Hoàng	30/05/2005	12A6	7.25	5.4	4.6				4.75	6.75	6	5.77	15

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	TB	XH
24	000103	Nguyễn Thị Huế	10/10/2005	12A6	7.5	5.6	4.2				4.5	5	5	5.53	24
25	000112	Phạm Đức Huy	18/11/2005	12A6	5.5	4.8	5.8				4.5	7.75	7.75	5.69	19
26	000129	Phạm Thu Hường	06/10/2005	12A6	7	6.2	4.8				3.5	6.5	4.5	5.71	17
27	000133	Đỗ Phan Khởi	17/08/2005	12A6	6	4	4				5	7.25	4	4.85	41
28	000138	Vũ Huy Lâm	27/08/2005	12A6	5.5	6.4	4				5.25	8	6.75	5.64	22
29	000146	Đỗ Thị Diệu Linh	05/12/2005	12A6	8	6.6	5	5.75	5.25	5				6.23	2
30	000160	Nguyễn Thị Loan	12/11/2005	12A6	5.5	6	3.6				4.75	5.25	4.75	5	39
31	000162	Vũ Duy Long	08/05/2005	12A6	6.75	6.2	3.8	7.75	6.5	3.75				5.69	19
32	000169	Đỗ Thị Khánh Ly	26/04/2005	12A6	6.75	4.8	4.8				7	6.5	7	5.8	12
33	000173	Vũ Thị Ly Ly	15/11/2005	12A6	6.75	6	4.8				3.5	5	5	5.51	25
34	000185	Đào Đức Minh	17/11/2005	12A6	5.75	5.8	4.2				4.75	4.75	7.5	5.35	31
35	000222	Đào Bá Phong	29/07/2005	12A6	6	5	3.6				4.25	6.5	5	4.96	40
36	000227	Phạm Tiến Phúc	06/01/2005	12A6	6.5	5.6	4.2				2.5	5.5	6	5.24	34
37	000246	Bùi Thị Quỳnh	27/02/2005	12A6	7	6.2	2.8				7	6.75	7.75	5.79	14
38	000255	Trần Đình Minh Tâm	24/07/2005	12A6	6	6.6	4.8				7	6.75	6	6	9
39	000279	Đào Thị Thom	16/09/2005	12A6	6.5	4.8	2.8				7	6.75	6.75	5.23	35
40	000294	Ngô Minh Tiến	07/06/2005	12A6	6.5	6	3.4				5.5	7	5	5.43	27
41	000301	Bùi Thị Thu Trang	07/11/2005	12A6	7.5	4.8	3.6				3.5	6.75	6.5	5.37	30
42	000306	Nguyễn Thị Hà Trang	05/10/2005	12A6	7	7	4.2				5.25	7.75	5.5	6.09	4
43	000308	Nguyễn Thị Thùy Trang	02/09/2005	12A6	7	6.4	5.4				8.5	7.25	9	6.76	1
44	000320	Nguyễn Lam Trường	04/09/2005	12A6	6.5	4.2	2.8				3.5	5	4.25	4.44	44
45	000338	Nguyễn Thị Vân	18/06/2005	12A6	7.25	6.8	4.8				5.75	7.75	4.75	6.23	2
46	000348	Phạm Long Vũ	12/09/2005	12A6	6.25	4	3.6				4	7	5.25	4.82	42

VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD
6.45	5.71	4.13	6.75	5.88	4.38	4.9	6.43	5.84
1	10	40	0	0	1	23	1	7

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG  
TRƯỜNG THPT THỤY HƯƠNG

**BẢNG KẾT QUẢ THI KHẢO SÁT TỐT NGHIỆP THPT LẦN 2**

Năm học: 2022-2023

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	TB	XH
1	000001	Cao Vân Anh	02/11/2005	12A7	6	6.6	5.6				6	7	6.5	<b>6.18</b>	<b>12</b>
2	000022	Hoàng Ngọc Ánh	20/10/2005	12A7	4.5	5.6	3.8				4	5.25	6.5	<b>4.79</b>	<b>40</b>
3	000029	Hoàng Đăng Biên	30/05/2005	12A7	6.75	6.2	4				4.5	6.5	6.5	<b>5.7</b>	<b>30</b>
4	000033	Đỗ Thị Kim Chi	15/09/2005	12A7	7.75	6.4	2.8				4.75	6	7	<b>5.72</b>	<b>27</b>
5	000042	Đặng Văn Chinh	25/11/2005	12A7	7.5	5	2.8				4.5	6	6.5	<b>5.24</b>	<b>36</b>
6	000045	Nguyễn Minh Chủ	08/08/2005	12A7	6.5	5.6	4.2				4	6	5.75	<b>5.39</b>	<b>35</b>
7	000049	Ngô Quốc Cường	01/01/2005	12A7	5.5	7.6	3.2				6.5	6.75	7.5	<b>5.8</b>	<b>25</b>
8	000050	Lương Văn Diệp	03/05/2005	12A7	6.5	6.2	4				5.75	7.25	7.25	<b>5.86</b>	<b>20</b>
9	000065	Bùi Công Đô	09/06/2005	12A7	6.5	6.6	3				7	7.75	6.75	<b>5.82</b>	<b>22</b>
10	000076	Phạm Thị Thu Hà	18/09/2005	12A7	6.75	6.2	3.8				5.25	7	7.25	<b>5.81</b>	<b>24</b>
11	000083	Phạm Thị Hằng	08/10/2005	12A7	7.5	7	4.8				5.75	6.75	8.25	<b>6.55</b>	<b>4</b>
12	000089	Đỗ Văn Hiếu	08/04/2005	12A7	5.25	6	4.2				4	6.75	5	<b>5.18</b>	<b>37</b>
13	000095	Ngô Văn Hiệu	10/09/2005	12A7	7	7	4.2				4.5	7	6.75	<b>6.07</b>	<b>14</b>
14	000105	Nguyễn Thị Kim Huệ	18/12/2005	12A7	7.75	6.6	3.2				5	6.75	6.5	<b>5.91</b>	<b>18</b>
15	000121	Cao Đức Thành Hưng	17/11/2005	12A7	6.25	7	4.6				6.25	6.5	6.25	<b>6.05</b>	<b>15</b>
16	000131	Nguyễn Chiến Hữu	26/10/2005	12A7	5.5	5.6	6				2.25	6.5	6.75	<b>5.57</b>	<b>32</b>
17	000135	Phạm Mai Lan	17/11/2005	12A7	6.5	5.2	5				4.75	6.75	7	<b>5.72</b>	<b>27</b>
18	000154	Nguyễn Thùy Linh	19/01/2005	12A7	7	5.4	4				4.75	6	7	<b>5.58</b>	<b>31</b>
19	000168	Cao Thị Cẩm Ly	19/08/2005	12A7	7.75	6.8	4.6				5.5	7.5	7.75	<b>6.52</b>	<b>6</b>
20	000180	Vũ Thị Xuân Mai	03/08/2005	12A7	6.5	3.4	3.6				4.75	6.75	6.25	<b>4.85</b>	<b>39</b>
21	000182	Ngô Duy Mạnh	21/11/2005	12A7	7	7.4	5				5.5	6	7.5	<b>6.43</b>	<b>8</b>
22	000209	Nguyễn Thị Thanh Nhân	12/02/2005	12A7	8.25	7.2	4.2				5.75	6.25	7.5	<b>6.54</b>	<b>5</b>

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	TB	XH
23	000216	Đỗ Trang Nhung	06/02/2005	12A7	7.5	5.4	4.8				6.25	6.5	6.75	6.05	15
24	000218	Nguyễn Thị Hồng Nhung	11/10/2005	12A7	7	6.2	4				4.25	6.25	6.75	5.74	26
25	000231	Nguyễn Thị Hà Phương	12/11/2005	12A7											
26	000235	Trần Thu Phương	29/08/2005	12A7	7	8.4	4.8				5.75	6.75	8	6.78	1
27	000236	Vũ Hà Phương	21/02/2005	12A7	8	5.6	4.6				7.25	6.75	6	6.37	11
28	000237	Hoàng Thị Phương	28/06/2005	12A7	5.75	5.4	4.6				5.25	5.5	6.5	5.5	33
29	000238	Hoàng Thị Bích Phương	10/01/2005	12A7	6.75	6.2	4.8				6.25	6.75	8.25	6.5	7
30	000243	Đoàn Thị Quyên	23/04/2005	12A7	7.25	6.6	5.8				6.5	6.5	5.75	6.4	10
31	000250	Đỗ Xuân Sơn	30/10/2005	12A7	7	6.4	3.8				7.5	7	6.75	6.41	9
32	000261	Bùi Phương Thảo	29/09/2005	12A7	7.5	5.6	5				5.25	6.25	7	6.1	13
33	000270	Phạm Thị Phương Thảo	04/02/2005	12A7	5.75	4.8	3				7.5	6.75	6.5	5.72	27
34	000280	Trần Hương Thơm	27/11/2005	12A7	5.25	6.4	4.4				6.25	6	7	5.88	19
35	000289	Vũ Anh Thư	17/10/2005	12A7	7.5	6.6	5.6				5.5	7.25	8.25	6.78	1
36	000302	Đỗ Thùy Trang	20/09/2005	12A7	6.25	5	5.8				5	7	7	6.01	17
37	000333	Vũ Mạnh Tường	13/09/2005	12A7	7.25	8.2	3.8				5.75	7.5	7.75	6.71	3
38	000336	Phạm Minh Văn	01/09/2005	12A7	5.75	5.4	5.6				3.5	6	6.25	5.42	34
39	000340	Hoàng Đức Việt	19/02/2005	12A7	7.75	6.4	5				4.25	5.75	5.75	5.82	22
40	000345	Ngô Công Vinh	29/12/2005	12A7	6.75		2.6				4.5	6.5	5.5	5.17	38
41	000353	Vũ Thị Như Ý	21/10/2005	12A7	6.75	6.4	4.8				3.75	5.75	7.5	5.83	21

VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD
6.73	6.19	4.34				5.28	6.54	6.83
1	2	30				16	0	0

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG  
TRƯỜNG THPT THỤY HƯƠNG

**BẢNG KẾT QUẢ THI KHẢO SÁT TỐT NGHIỆP THPT LẦN 2**

Năm học: 2022-2023

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	TB	XH
1	000028	Nguyễn Xuân Bắc	18/02/2005	12A8	6	4.6	4.4				4	5.25	5.5	4.98	39
2	000037	Phạm Quỳnh Chi	06/09/2005	12A8											
3	000047	Lương Xuân Cương	12/04/2005	12A8	7.5	5.6	4				5	5.25	5	5.55	31
4	000052	Nguyễn Thị Dung	20/07/2005	12A8	6.75	6.8	5.2				7.75	6	5.25	6.27	7
5	000070	Bùi Thu Hà	08/02/2005	12A8	7.5	5.6	4				4.75	6.25	7	5.78	24
6	000079	Nguyễn Thị Ngọc Hào	25/01/2005	12A8	8	7	5.4				6	6.5	7.25	6.75	2
7	000085	Nguyễn Thị Thu Hiền	01/12/2005	12A8	6.75	5.6	6				6.25	5.5	6.5	6.11	11
8	000090	Nguyễn Minh Hiếu	20/10/2005	12A8	7.25	5.8	4.8				6.75	7	7.5	6.23	8
9	000118	Nguyễn Thị Khánh Huyền	28/02/2005	12A8	7.25	5.4	4				4	6.5	7.5	5.66	28
10	000122	Phạm Khánh Hưng	20/08/2005	12A8	6.25	5.2	4.6				7.75	6.75	7.75	5.87	21
11	000144	Đặng Thùy Linh	07/03/2005	12A8	6.25	5	4				6.5	7.75	9	5.75	26
12	000145	Đình Khánh Linh	19/03/2005	12A8	7.25	6.8	6				6	6.5	7	6.64	3
13	000151	Nguyễn Thị Khánh Linh	11/09/2005	12A8	7	5	5.2				4.75	6.5	6.75	5.8	23
14	000153	Nguyễn Thùy Linh	11/01/2005	12A8	6.25	4.4	4.6				8.75	7.75	7	5.77	25
15	000155	Phạm Thị Thùy Linh	13/09/2005	12A8	6.5	5.4	6				5	5.75	7	5.95	18
16	000158	Vũ Thùy Linh	01/02/2005	12A8	6.75	6.6	5				6	6	5.75	6.07	13
17	000167	Bùi Thị Vân Ly	12/09/2005	12A8	7.25	4.6	4.6				6	7	6.25	5.72	27
18	000181	Bùi Văn Mạnh	27/01/2005	12A8	6.5	4.6	3.6				5.5	5.5	6.25	5.11	36
19	000192	Trần Hoài Nam	24/10/2005	12A8	5.75	4	4.8				7.25	7.25	6.75	5.41	34
20	000202	Hoàng Thị Bích Ngọc	18/03/2005	12A8	8.25	7.2	5.6				5.75	7	6	6.83	1
21	000203	Nguyễn Bá Ngọc	25/04/2005	12A8	7	6.8	4.8				7	6.5	6	6.28	6
22	000206	Nguyễn Thị Nguyệt	30/08/2005	12A8	8.25	5.8	5.2				6.5	6.25	8.5	6.58	4

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD	TB	XH
23	000211	Nguyễn Hữu Nhật	05/01/2004	12A8	7	4.8	2.2				6.5	6	6	5.04	37
24	000217	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10/08/2005	12A8	6.5	4.4	5				5.25	7	6	5.5	32
25	000226	Phạm Văn Phú	07/09/2005	12A8	6.5	3	6				3.5	5.5	3.5	4.92	40
26	000239	Nguyễn Minh Quang	05/02/2005	12A8	7	4.6	5.6				6.25	8.5	7.5	6.15	9
27	000247	Phạm Phú Quý	25/11/2005	12A8	6.75	7	4				6.5	6.25	6.75	6.06	15
28	000263	Đỗ Phương Thảo	26/05/2005	12A8	7	6.4	5				6	6.5	5.75	6.12	10
29	000273	Lưu Thị Thắm	13/10/2005	12A8	6.5	6	5.2				4.75	6.5	8.5	6.07	13
30	000274	Đào Quang Thắng	20/01/2005	12A8	6.25	6.2	4.8				7.5	7	6.75	6.08	12
31	000281	Đỗ Thị Thu	17/07/2005	12A8	5.25	5.8	5				6.25	7	6.5	5.66	28
32	000287	Đinh Thị Thúy	21/07/2005	12A8	6.5	5.6	5.4				6.75	6.25	6.25	5.98	17
33	000297	Phạm Văn Toàn	14/02/2005	12A8	6.75	6.4	4.4				6.75	6.5	5.5	5.95	18
34	000303	Lê Thị Minh Trang	11/08/2005	12A8	7.5	3.8	4.8				5.5	6.25	5.5	5.46	33
35	000312	Nguyễn Thị Ngọc Trà	20/12/2005	12A8	7.75	6.4	5.2				7.25	5.75	6.25	6.44	5
36	000313	Đỗ Việt Trung	15/06/2005	12A8	5.5	5.4	4.2				4.25	5.75	5	5.03	38
37	000317	Phạm Thị Thanh Trúc	26/08/2005	12A8	6.25	5.4	5				6.75	7	6.75	5.87	21
38	000323	Ngô Quang Tuân	06/09/2005	12A8	6	4.2	3				4.5	7.5	4.5	4.68	42
39	000325	Phạm Ngọc Tuân	10/09/2005	12A8	5.75	4.6	3				5	6.75	5.75	4.8	41
40	000329	Vũ Quang Tuấn	29/09/2005	12A8	7.5	7.2	4.2				5	5.5	5	6.02	16
41	000332	Trần Thanh Tùng	01/10/2005	12A8	5.5	4.8	5				6	7.75	5.25	5.41	34
42	000335	Nguyễn Thị Tịnh Văn	13/04/2005	12A8	7	4.8	4.6				5.75	6.5	5.25	5.56	30
43	000342	Vũ Quốc Việt	03/07/2005	12A8	7	5.2	5.4				6	6.5	5.25	5.88	20

VĂN	TOÁN	TA	LÝ	HÓA	SINH	SỬ	ĐỊA	GDCD
6.76	5.47	4.73				5.93	6.5	6.31
0	14	22				8	0	2